

CÔNG BÁO

NƯỚC VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HÒA

MỤC LỤC

CÁC BỘ

LIÊN BỘ

ỦY BAN NÔNG NGHIỆP T.U. —
BỘ TÀI CHÍNH — TỔNG CỤC
THỐNG KÊ — NGÂN HÀNG NHÀ
NƯỚC VIỆT-NAM

Trang

9-8-1973 — Quyết định liên bộ số 292-NN/LB/QĐ ban hành Chế độ tạm thời về chứng từ, sổ hạch toán thống nhất, Chế độ tạm thời về báo cáo thống kê — kế toán thống nhất, áp dụng cho các hợp tác xã sản xuất nông nghiệp và Ủy ban hành chính xã. 329

TÀI CHÍNH — NGÂN HÀNG
NHÀ NƯỚC VIỆT-NAM

12-12-1973 — Thông tư liên bộ số 16-TT/LB quy định chế độ khóa sổ thu, chi ngân sách Nhà nước cuối năm tại cơ quan ngân hàng các cấp. 332

TỔNG CỤC BƯU ĐIỆN

1-12-1973 — Quyết định số 742-QĐ quy định khối lượng và kích thước các loại bưu phẩm, bưu thiếp 339

ỦY BAN VẬT GIÁ NHÀ NƯỚC

10-12-1973 — Quyết định số 74-NS-VGNN về việc điều chỉnh giá thu mua hoa hồi. . 340

CÁC BỘ

LIÊN BỘ

ỦY BAN NÔNG NGHIỆP T.U. — BỘ TÀI
CHÍNH — TỔNG CỤC THỐNG KÊ — NGÂN
HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT-NAM

CHỦ NHIỆM ỦY BAN NÔNG
NGHIỆP TRUNG ƯƠNG,

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH,
TỔNG CỤC TRƯỞNG TỔNG CỤC
THỐNG KÊ,

TỔNG GIÁM ĐỐC NGÂN HÀNG
NHÀ NƯỚC VIỆT-NAM

QUYẾT ĐỊNH liên bộ số 292-LB/QĐ ngày 9-8-1973 ban hành chế độ tạm thời về chứng từ, sổ hạch toán thống nhất, chế độ tạm thời về báo cáo thống kê — kế toán thống nhất, áp dụng cho các hợp tác xã sản xuất nông nghiệp và Ủy ban hành chính xã.

Căn cứ vào nghị quyết Hội nghị thứ 19 và 20 của trung ương Đảng, phần nói về tăng cường công tác hạch toán;

Căn cứ vào nghị quyết số 2-CP ngày 2-1-1971 của Hội đồng Chính phủ về chấn chỉnh lại công tác thống kê, kế toán trong các ngành kinh tế quốc dân;

Trang
09668643
Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com
LawSoin *

Căn cứ vào nghị quyết số 27-CP ngày 22-2-1971 của Hội đồng Chính phủ quy định các nguyên tắc về lập và ban hành các biểu mẫu báo cáo thống kê,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. — Nay ban hành kèm theo quyết định này Chế độ tạm thời về chứng từ, sổ hạch toán thống nhất áp dụng cho các hợp tác xã sản xuất nông nghiệp và chế độ tạm thời về báo cáo thống kê kế toán định kỳ, báo cáo nhanh và báo cáo kết quả điều tra định kỳ hàng năm về nông nghiệp áp dụng cho các hợp tác xã sản xuất nông nghiệp và Ủy ban hành chính xã.

Điều 2. — Các chế độ này sẽ áp dụng thống nhất kể từ ngày 9-8-1973 ở các hợp tác xã sản xuất nông nghiệp và Ủy ban hành chính xã ở miền xuôi. Riêng đối với các hợp tác xã sản xuất nông nghiệp và Ủy ban hành chính xã ở miền núi thì, tùy trình độ mà áp dụng, liên Bộ Ủy ban Nông nghiệp trung ương — Bộ Tài chính — Tổng cục Thống kê — Ngân hàng Nhà nước Việt-nam sẽ tiếp tục nghiên cứu và quy định cụ thể thêm sau.

Điều 3. — Các quy định về chế độ chứng từ, sổ hạch toán báo cáo thống kê kế toán do các ngành, các cấp ban hành trước đây trái với quyết định này đều bãi bỏ.

Điều 4. — Chủ tịch Ủy ban hành chính xã chịu trách nhiệm tổ chức và chỉ đạo thực hiện các báo cáo kết quả điều tra hàng năm về nông nghiệp và lâm nghiệp, kiểm tra xem xét và ký tên vào các báo cáo đồng thời chịu trách nhiệm về sự chính xác của số liệu và sự kịp thời của báo cáo. Trưởng ban thống kê xã có nhiệm vụ giúp Chủ tịch Ủy ban hành chính xã chỉ đạo về nghiệp vụ, lập và gửi báo cáo lên cấp trên.

Chủ nhiệm hợp tác xã sản xuất nông nghiệp chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện chế độ chứng từ, sổ hạch toán thống nhất, kiểm tra, xem xét, ký tên vào các báo cáo, chịu trách nhiệm về sự chính xác của số liệu và sự kịp thời của báo cáo. Kế toán trưởng hợp tác xã có nhiệm vụ giúp chủ nhiệm hợp tác xã chỉ đạo về nghiệp vụ thống kê và kế toán, lập và gửi báo cáo lên cấp trên.

Điều 5. — Các ông Chủ tịch Ủy ban hành chính khu, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, ông Trưởng ban quản lý hợp tác xã nông nghiệp trung ương chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Hà-nội, ngày 9 tháng 8 năm 1973

K.T. Chủ nhiệm Ủy ban
Nông nghiệp trung ương
Phó chủ nhiệm thường trực
NGHIÊM XUÂN YÊM

K.T. Bộ trưởng Bộ Tài chính
Thứ trưởng
HOÀNG VĂN DIỆM

K.T. Tổng cục trưởng
Tổng cục Thống kê
Tổng cục phó
LÊ KHÁNH

K.T. Tổng giám đốc Ngân hàng
Nhà nước Việt-nam
Phó tổng giám đốc
ĐINH VĂN BẢY

CHẾ ĐỘ TẠM THỜI

về báo cáo thống kê — kế toán định kỳ, báo cáo nhanh và báo cáo kết quả điều tra định kỳ hàng năm về nông nghiệp, lâm nghiệp áp dụng cho hợp tác xã sản xuất nông nghiệp và Ủy ban hành chính xã.

(Gọi tắt là chế độ báo cáo thống kê kế toán thống nhất của hợp tác xã sản xuất nông nghiệp và Ủy ban hành chính xã).

I. Ý NGHĨA MỤC ĐÍCH

Đề đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của công tác kế hoạch hóa và việc tăng cường cải tiến công tác quản lý kinh tế của Nhà nước, đồng thời khắc phục tình trạng nhiều ngành, nhiều cấp tự động ban hành chế độ, biểu mẫu báo cáo cho cơ sở dẫn đến tình trạng trùng tréo, lãng phí nhiều công sức và tiền của của Nhà nước, gây thêm nhiều khó khăn cho cơ sở; liên Bộ

Ủy ban Nông nghiệp trung ương, Bộ Tài chính, Tổng cục thống kê và Ngân hàng Nhà nước ban hành chế độ tạm thời về báo cáo thống kê kế toán định kỳ, báo cáo nhanh đối với khu vực sản xuất tập thể của hợp tác xã sản xuất nông nghiệp và chế độ báo cáo kết quả điều tra định kỳ hàng năm đối với một số chỉ tiêu chất lượng của khu vực kinh tế tập thể và kết quả sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp của các thành phần kinh tế khác chủ yếu là ở miền xuôi nhằm mục đích:

1. Phân ánh một cách có hệ thống, toàn diện, chính xác và kịp thời tình hình cơ bản hoạt động sản xuất kinh doanh của khu vực kinh tế tập thể hợp tác xã và kết quả sản xuất nông nghiệp của các thành phần kinh tế khác để phục vụ cho việc chỉ đạo sản xuất, kiểm tra tình hình thực hiện kế hoạch và các đường lối chính sách của Đảng và Chính phủ về nông nghiệp, lâm nghiệp.

2. Làm căn cứ cho việc lập và điều chỉnh kế hoạch sản xuất nông nghiệp và các kế hoạch khác có liên quan.

3. Cung cấp nguồn số liệu thống nhất, toàn diện và chính xác phục vụ cho công tác nghiên cứu, phân tích kinh tế và tăng cường cải tiến công tác quản lý kinh tế của các cấp, các ngành.

II. NỘI DUNG

Nội dung chế độ báo cáo thống kê kế toán thống nhất bao gồm 2 phần:

1. Chế độ báo cáo thống kê kế toán định kỳ, báo cáo nhanh áp dụng cho khu vực sản xuất tập thể (của hợp tác xã sản xuất nông nghiệp).

2. Chế độ báo cáo kết quả điều tra định kỳ hàng năm, trong đó một số chỉ tiêu chất lượng về sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp áp dụng cho khu vực kinh tế tập thể và một số chỉ tiêu về kết quả sản xuất nông nghiệp áp dụng cho các thành phần kinh tế khác (ngoài khu vực kinh tế tập thể).

III. THỜI HẠN VÀ PHƯƠNG THỨC GỬI BÁO CÁO

1. Thời hạn báo cáo quy định như sau :

— Báo cáo nhanh gửi đến nơi nhận báo cáo, chậm nhất là 1 ngày sau kỳ báo cáo ;

— Báo cáo tháng gửi đến nơi nhận báo cáo, chậm nhất là ngày 5 tháng sau tháng báo cáo ;

— Báo cáo quý, vụ gửi đến nơi nhận báo cáo chậm nhất là 15 hoặc 20 ngày sau khi kết thúc quý, vụ ;

— Báo cáo định kỳ hàng năm về các loại báo cáo kết quả điều tra gửi đến nơi nhận báo cáo chậm nhất là 20 hoặc 25 ngày sau khi kết thúc năm hoặc sau thời điểm điều tra, Tổng cục Thống kê căn cứ vào yêu cầu chỉ đạo sản xuất, điều kiện thông tin, liên lạc và yêu cầu của việc cơ giới hóa tính toán để quy định cụ thể thời gian và kỳ hạn báo cáo của từng biểu mẫu báo cáo.

2. Chủ nhiệm các hợp tác xã sản xuất nông nghiệp chịu trách nhiệm tổ chức, chỉ đạo thực hiện chế độ báo cáo thống kê — kế toán định kỳ chính thức và chế độ báo cáo nhanh ; kế toán trưởng lập và gửi báo cáo này lên Ủy ban hành chính xã và Ủy ban hành chính huyện theo yêu cầu và mức độ cụ thể do liên Bộ Tổng cục thống kê, Bộ Tài chính và Ủy ban Nông nghiệp trung ương, Ngân hàng Nhà nước thống nhất quy định.

Chủ tịch Ủy ban hành chính xã chịu trách nhiệm tổ chức chỉ đạo các cuộc điều tra hàng năm về nông nghiệp, lâm nghiệp, trường ban thống kê xã lập và gửi lên Ủy ban hành chính huyện các biểu báo cáo về điều tra kết quả sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp của các thành phần kinh tế khác và gửi thẳng lên Chi cục thống kê tỉnh, thành phố các biểu báo cáo kết quả điều tra một số chỉ tiêu chất lượng của khu vực kinh tế tập thể.

3. Các loại báo cáo đều phải gửi bằng văn bản qua bưu điện theo đường thư mà Tổng cục Thống kê và Tổng cục Bưu điện đã thỏa thuận hoặc đưa thẳng lên cơ quan nhận báo cáo, nếu cơ quan này ở gần đơn vị mình.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Chủ tịch Ủy ban hành chính xã, chủ nhiệm các hợp tác xã sản xuất nông nghiệp chịu trách nhiệm trước Nhà nước việc tổ chức thực hiện chế độ báo cáo này, phải kiểm tra xem xét kỹ,

ký tên vào các báo cáo và chịu trách nhiệm về sự chính xác của số liệu, về sự kịp thời của báo cáo; không được tự động điều chỉnh các số liệu đã báo cáo lên trên, nếu có lý do chính đáng mà cần phải điều chỉnh thì thủ trưởng đơn vị phải có văn bản chính thức đề nghị cấp trên xét và cho phép.

Việc công bố và cung cấp số liệu của cơ sở phải thống nhất sử dụng các số liệu đã báo cáo với cấp trên và phải nghiêm chỉnh chấp hành những nguyên tắc và thể lệ giữ gìn bí mật của Nhà nước.

Ủy ban hành chính xã và hợp tác xã sản xuất nông nghiệp không được gửi báo cáo cho các ngành khác ngoài các ngành đã quy định, và có quyền từ chối, tố giác các biểu mẫu báo cáo đã ban hành gửi xuống cơ sở ngoài chế độ này.

2. Trong quá trình thực hiện, các đơn vị cơ sở, các tổ chức ngành chủ quản không được tự động thêm bớt hoặc sửa đổi biểu mẫu báo cáo đã quy định trong chế độ này. Trường hợp phát hiện ra những mâu thuẫn hoặc do yêu cầu mới của công tác quản lý mà cần bổ sung chỉnh lý biểu mẫu báo cáo thì phải có văn bản đề nghị Ủy ban, Bộ, Tổng cục chủ quản đề chuyển qua liên Bộ: Tổng cục Thống kê, Bộ Tài chính, Ủy ban Nông nghiệp trung ương, Ngân hàng Nhà nước nghiên cứu xét duyệt và quyết định.

3. Các ngành nông nghiệp, tài chính, ngân hàng và thống kê từ trung ương đến khu, tỉnh, thành phố và huyện có trách nhiệm phối hợp tổ chức phổ biến quán triệt chế độ này đến tận các cơ sở và hướng dẫn, giúp đỡ cơ sở thực hiện đầy đủ, nghiêm chỉnh và kịp thời.

Ngành thống kê chịu trách nhiệm chỉ đạo tập trung thống nhất về nghiệp vụ báo cáo.

Về tổng hợp số liệu báo cáo: ngành thống kê chịu trách nhiệm là chính. Nhưng đề bảo đảm phục vụ kịp thời yêu cầu chỉ đạo và nghiên cứu của ngành mình, các ngành nông nghiệp, thống kê, tài chính và ngân hàng Nhà nước cũng cần tổng hợp một số biểu báo cáo đã nhận được.

4. Các ông chủ tịch Ủy ban hành chính các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trách nhiệm tổ chức chỉ đạo thực hiện chế độ này.

(Ban hành kèm theo quyết định số 292-NN/LB/QĐ ngày 9-8-1973 của liên Bộ Ủy ban nông nghiệp trung ương — Bộ Tài chính — Tổng cục Thống kê — Ngân hàng Nhà nước).

K.T. Chủ nhiệm
Ủy ban nông nghiệp trung ương
Phó chủ nhiệm thường trực
NGHIÊM XUÂN YEM

K.T. Bộ trưởng
Bộ Tài chính
Thứ trưởng
HOÀNG VĂN DIỆM

K.T. Tổng cục trưởng
Tổng cục thống kê
Tổng cục phó
LÊ KHÁNH

K.T. Tổng giám đốc
Ngân hàng Nhà nước
Phó tổng giám đốc
ĐINH VĂN BẦY

TÀI CHÍNH — NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
VIỆT-NAM

THÔNG TƯ liên bộ số 16-TT/LB ngày 12-12-1973 quy định chế độ khóa sổ thu, chi ngân sách Nhà nước cuối năm tại cơ quan ngân hàng Nhà nước các cấp.

Từ trước đến nay, hàng năm, Bộ Tài chính và Ngân hàng Nhà nước đều có thông tư hướng dẫn việc khóa sổ thu chi ngân sách cuối năm tại các cơ quan ngân hàng Nhà nước các cấp. Rút kinh nghiệm việc thi hành các thông tư này, trong những năm vừa qua, hai Bộ xét thấy cần thiết phải hệ thống hóa những điểm đã quy định trong việc khóa sổ nói trên để việc thi hành từ nay trở đi được thuận lợi và đi vào nề nếp.